

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 13-01-2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Võ
Ông Vũ Quang Yên

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu Hưng Long, xã Q, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến Đ** - sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 6, xã Vụ Q, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Tiến Đ vào ngày 16/02/2012, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới anh chị về ở chung với gia đình anh Đ khoảng 02 năm thì ra ở riêng. Cuộc sống chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên chơi cờ bạc và nghiện ma túy. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Q, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ để ở từ tháng 02/2022, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay xác định không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh Đ

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Tố U - sinh ngày 16/10/2012 và Nguyễn Thanh T1 - sinh ngày 02/11/2015. Hiện nay cả hai cháu đều

đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Chị không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Tiến Đ có quan điểm trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào ngày 16/02/2012, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới anh chị về ở chung với gia đình anh khoảng 02 năm thì ra ở riêng. Cuộc sống cũng có mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Điểm điểm là tháng 02/2022 chị T đã tự ý bỏ nhà đi và đến tháng 09/2022 chị T đưa cả hai con chung đi theo. Nay chị T xin ly hôn thì anh không nhất trí vì anh thương các con, tình cảm thì không còn gì.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tổ U - sinh ngày 16/10/2012 và Nguyễn Thanh T1 - sinh ngày 02/11/2015. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng chị T. Sau khi ly hôn Tòa án giải quyết cho ai nuôi con cũng được.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

Về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Tổ U - sinh ngày 16/10/2012 và Nguyễn Thanh T1 - sinh ngày 02/11/2015 cho chị Thúy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Tiến Đ, địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn UBND xã V, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh chị chung sống cùng gia đình anh Đ thời gian khoảng 02 năm thì ra ở riêng tại xã V. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn

dẫn đến việc chị T về nhà bố mẹ đẻ của chị T tại xã Q, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ để ở từ tháng 02/2022. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T xin ly hôn nhưng anh Đ không nhất trí vì anh thương các con mặc dù anh xác định tình cảm không còn gì. Anh Đ không nhất trí ly hôn nhưng kể từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Đ không gặp gỡ trao đổi để hàn gắn tình cảm. Trong thời gian sống ly thân, anh Đ còn vi phạm pháp luật và đã bị xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 51 ngày 30/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, chị T xin ly hôn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tố U – sinh ngày 16/10/2012 và Nguyễn Thanh T1 – sinh ngày 02/11/2015. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng chị T. Xét điều kiện thực tế hiện nay cả hai cháu đang có cuộc sống sinh hoạt cũng như học tập ổn định, cả hai cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy hai cháu đều là con gái, cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy, cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thúy tự nguyện không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ

2- Về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Tố U - sinh ngày 16/10/2012 và Nguyễn Thanh T1 - sinh ngày 02/11/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung, đóng góp: Không có nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0004278 ngày 15/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T, anh Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đoan Hùng;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Anh